TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỊNH QUÁN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 60/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 09-07-2018
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Tuấn**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà **Nguyễn Thị Liệu**
2. Bà **Trương Thị Lệ Thanh**

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông **Quách Kim Lân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán tham gia phiên tòa***: Ông **Vũ Văn Hội** - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 07 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai, xét xử công khai vụ án thụ lý số 92/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 03 năm 2018 về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 05 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2018/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 05 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Đinh Thị T**- sinh năm 1967.
Địa chỉ: huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.
2. Bị đơn: Anh **Phạm Minh Đ** - sinh năm 1970.
Địa chỉ: huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.
(Chị T có mặt; anh Đ có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/12/2017; biên bản ghi lời khai ngày 09/03/2018; biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và biên bản hòa giải ngày 05/04/2018 và ngày 20/04/2018 và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Đinh Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Đ tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai (nay là thị trấn Định Quán, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai) và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 15/11/1990. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung sống đến năm 1993 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh Đ không chăm lo phát triển kinh ết gia đình mà chỉ tụ tập ăn nhậu thường xuyên, mỗi lần nhậu xong là anh Đ nhiều lần đánh đập chị, có nhiều hành động đe dọa đến tính mạng chị, tính tình vợ chồng không hợp nhau nên hai vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vả, bất đồng trong cuộc sống. Mặc dù nhiều

lần chị đã tha thứ cho anh Đ và chính quyền địa phương nhiều lần hòa giải nhưng anh Đ vẫn không thay đổi. Nay chị nhận thấy cuộc sống vợ chồng vẫn không hạnh phúc, tình cảm ngày càng lạnh nhạt, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có 04 con chung tên là Phạm Thị Thùy L sinh ngày 26/9/1991, Phạm Thị Hồng P sinh ngày 19/9/1994, Phạm Thị Hiền M sinh ngày 13/02/2001 và Phạm Minh T sinh ngày 24/11/2003. Khi ly hôn, do con chung Phạm Thị Thùy L và Phạm Thị Hồng P đã thành niên nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung Phạm Thị Hiền M và Phạm Minh T, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung*:* Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung*:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bị đơn là anh Phạm Minh Đ trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Hiệp, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai (nay là thị trấn Định Quán, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai) và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 15/11/1990. Vợ chồng chung sống đến vài năm gần đây thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do lúc nghèo khó thì vợ chồng không thương nhau sau này chị T đi buôn bán có ít tiền về nhà xem thường chồng và về nhà không lo cơm nước cho chồng, làm cho cuộc sống của anh ngột ngạt, không thoải mái, thời gian trước anh có thường xuyên uống rượu, có lần uống rượu về do say quá nên anh có đánh chị T, có đốt quần áo của chị T và đốt xe của gia đình. Sau đó anh đã nhận lỗi và nhiều lần hòa giải với chị T nhưng vẫn không được. Nay chị T có yêu cầu ly hôn với anh thì anh không đồng ý do các con còn nhỏ và do anh theo đạo Thiên chúa không được phép ly hôn.

Về con chung: Anh và chị T có 04 con chung tên là Phạm Thị Thùy L sinh ngày 26/9/1991, Phạm Thị Hồng P sinh ngày 19/9/1994, Phạm Thị Hiền M sinh ngày 13/02/2001 và Phạm Minh T sinh ngày 24/11/2003. Hiện nay con chung Phạm Thị Thùy L và Phạm Thị Hồng P đã thành niên nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn hai con chung là Phạm Thị Hiền M và Phạm Minh T thì tùy thuộc vào nguyện vọng của cháu M và cháu T, anh không có ý kiến và cũng không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung*:* Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung*:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên Tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; về quan hệ pháp luật, xác định tư cách pháp lý của đương sự, thẩm quyền thụ lý của Tòa án, thủ tục thu thập chứng cứ đúng quy định; quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ, thủ tục cấp tống đạt cho các đương sự đảm bảo theo quy định pháp luật. Các quyền nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo thực hiện. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật nên Viện kiểm sát không có ý kiến hay kiến nghị gì.

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; đề nghị Hội đồng xét xử:

1) Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Đinh Thị T. Cho chị T được ly hôn với anh Phạm Minh Đ.

2) Về con chung: Giao con chung tên là Phạm Thị Hiền M sinh ngày 13/02/2001 và Phạm Minh T sinh ngày 24/11/2003 cho chị T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng khi ly hôn, tạm thời miễn cho anh Đ nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

3) Về tài sản chung; nợ chung: Không xem xét, không giải quyết.

4) Về án phí: Chị Đinh Thị T chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh Phạm Minh Đ hiện cư trú, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Quán theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Chị T yêu cầu khởi kiện ly hôn với anh Đ nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là "Tranh chấp ly hôn" theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về xác định tư cách đương sự: Chị Đinh Thị T là nguyên đơn; anh Phạm Minh Đ là bị đơn theo Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Phạm Minh Đ nhưng anh Đ vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng không có lý do chính đáng. Tại phiên tòa, anh Đ có mặt nên Tòa án tiếp tục xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về hôn nhân: Qua việc thu thập chứng cứ tại chính quyền địa phương các biên bản xác minh ngày 19/03/2018 cùng tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện chị T và anh Đ tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Gia Canh, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 15/11/1990. Cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra xung đột trong cuộc sống; chị T và anh Đ tuy chưa sống ly thân nhưng chị T và anh Đ không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Tuy anh Đ không đồng ý ly hôn với chị T cho rằng do theo đạo thiên chúa không được phép ly hôn và còn yêu thương vợ nhưng căn cứ vào lời trình bày của anh Đ tại phiên tòa là thừa nhận có hành vi đánh đập chị T, thường xuyên nhậu nhẹt, vợ chồng thường xảy ra cãi nhau và có hành động đốt xe, đốt quần áo của chị T. Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định về tình nghĩa vợ chồng quy định "*Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau*". Xét thấy cuộc sống hôn nhân

của chị T, anh Đ lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị T yêu cầu ly hôn nên chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh Đ. Theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về con chung: Chị T và anh Đ có 04 con chung tên là Phạm Thị Thùy L sinh ngày 26/9/1991, Phạm Thị Hồng P sinh ngày 19/9/1994, Phạm Thị Hiền M sinh ngày 13/02/2001 và Phạm Minh Tr sinh ngày 24/11/2003. Qua việc thu thập chứng cứ tại chính quyền địa phương các biên bản xác minh ngày 19/03/2018 cùng tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện con chung Phạm Thị Thùy L và Phạm Thị Hồng P đã thành niên và có khả năng lao động, con chung Phạm Thị Hiền M và Phạm Minh T hiện nay đang sống chung với chị T và anh Đ. Anh Đ không có tranh chấp về con chung và yêu cầu căn cứ vào đơn trình bày nguyện vọng của cháu M và cháu T. Căn cứ vào đơn trình bày nguyện vọng của cháu M và cháu T và xét thấy chị T hiện nay đang buôn bán, có thu nhập ổn định vì vậy giao cháu M và cháu T cho chị T nuôi dưỡng để đảm bảo sự ổn định về các tâm sinh lý cũng như sự phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi của con chung chưa thành niên, căn cứ vào Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, giao con chung Phạm Thị Hiền M và Phạm Minh T cho chị T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng khi ly hôn. Tạm thời miễn cho anh Đ nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét.

[8] Về án phí: Chị Đinh Thị T chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán là phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đúng pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1) Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đinh Thị T. Chị Đinh Thị T được ly hôn với anh Phạm Minh Đ.

2) Về con chung: Giao con chung tên là Phạm Thị Hiền M sinh ngày 13/02/2001 và Phạm Minh T sinh ngày 24/11/2003 cho chị T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng khi ly hôn. Tạm thời miễn cho anh Đ nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3) Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét, không giải quyết.

4) Về án phí: Chị Đinh Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn được cấn trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai số 004742 ngày 06/03/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Quán. Chị T đã nộp đủ án phí.

Chị Đinh Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Phạm Minh Đ được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND huyện Định Quán;
- Chi cục Thi hành án dân sự Định Quán;
- Các đương sự;
- UBND TT. Định Quán.
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Văn Tuấn